TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2025/DS-PT
Ngày: 02-12-2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quản.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch và ông Bùi Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Trúc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Đinh Tiến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 494/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 360/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn H, xã B, tỉnh Lâm Đồng).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961 và ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn H, xã B, tỉnh Lâm Đồng).

- Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị C là bị đơn.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/3/2025 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:

- Ngày 01/7/2023, bà Đinh Thị H cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H1 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 25%/năm,

không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng có thoả thuận miệng khi nào cần sẽ báo trước 03 ngày thì vợ chồng bà C, ông H1 có trách nhiệm trả cho bà H. Bà H đã giao đủ số tiền cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C ông Nguyễn Văn H1.

- Ngày 13/9/2023, bà H cho vợ chồng bà C, ông H1 vay 02 lần với số tiền là 6.997.000.000 đồng, cụ thể là:

Lần 1: số tiền 5.680.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 25%/năm, thời hạn trả ngày 10/5/2024. Bà H đã giao đủ số tiền cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C ông Nguyễn Văn H1.

Lần 2: số tiền 1.317.000.000 đồng lãi suất thoả thuận 25%/năm, thời hạn trả ngày 10/5/2024. Bà H đã giao đủ số tiền cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C ông Nguyễn Văn H1.

Khi đến hạn trả nợ, nhiều lần bà H yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà C ông H1 khất không trả. Đến khoảng tháng 9/2024 vợ chồng bà C, ông H1 chỉ trả cho bà H số tiền 250.000.000 đồng tiền lãi.

Mặc dù đã quá thời hạn trả nợ, bà Đinh Thị H đã đòi vợ chồng vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H1 nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng bà C, ông H1 vẫn chưa trả nợ cho bà H.

Bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H1 phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 7.047.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cụ thể như sau:

Do lãi suất thỏa thuận cao hơn quy định của pháp luật nên yêu cầu tính lãi 20%/năm (*tương đương 1,67%/tháng)*, cụ thể là:

- Khoản vay 50.000.000 đồng là 50.000.000 đồng x 1,67%/tháng tính từ ngày 01/7/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Khoản vay ngày 13/9/2023, bà H cho vợ chồng bà C, ông H1 vay 02 lần với số tiền là 6.997.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn tính đến ngày 10/5/2024 là 07 tháng 27 ngày: 6.997.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 07 tháng 27 ngày = 923.114.210 đồng

+ Lãi suất quá hạn: 6.997.000.000 đồng x (1,67x150%)/tháng từ ngày 11/5/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng vợ chồng bà C, ông H1 đã trả cho H thì bà Đinh Thị H đề nghị trừ vào tiền lãi.

Bà H cam đoan chữ kí chỗ bên vay là chữ kí chữ viết của vợ chồng ông H1, bà C trong toàn bộ chứng cứ gốc đã giao nộp cho Tòa án.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/5/2025 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, do vậy việc hòa giải không được.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Ngày 13/5/2022 bà Nguyễn Thị C có vay của bà Đinh Thị H số tiền 3.900.000.000 đồng (*bà C vay giùm cho em là Nguyễn Ngọc Đ*), bà C là người bảo lãnh mượn giùm và có viết giấy nhận nợ với bà H, lãi suất là 36%/năm. Cắt lời hàng tháng, trong thời gian trên bà C rất nhiều lần cắt lãi và mỗi lần cắt lãi lại thì ghi lại theo tờ giấy mới và huỷ tờ giấy cũ. Ngày 03/5 bà C có vay với tiền gốc chốt là 1.400.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 02 lần bà C vay số tiền 5.325.000.000 đồng. Bà C đã trả tiền lãi như sau:

+Ngày 20/9/2022 trả số tiền 30.000.000 đồng;

+Ngày 23/12/2022 trả số tiền 300.000.000 đồng;

+Ngày 15/01/2023 trả số tiền 150.000.000 đồng;

+Ngày 19/12/2023 trả số tiền 100.000.000 đồng;

+Tháng 9/2024 trả số tiền 250.000.000 đồng.

Hiện nay bà C bị lừa dẫn tới phá sản, bà có mượn của con mảnh đất mặt đường tại thôn H, xã L. Bà C đang mượn Ngân hàng 6 tỷ, nếu bà H đồng ý thì bà C sẽ trả cho bà H và bà H trả ngân hàng, số còn lại bà C sẽ trả vô gốc, giá hiện tại khoảng 200.000.000 đồng/mét tới.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng) quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị C.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho bà Đinh Thị H với số tiền là 10.101.000.000 đồng *(Mười tỉ, một trăm lẻ một triệu đồng);* trong đó tiền nợ gốc là 7.047.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 3.054.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-6-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/8/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định số tiền gốc là 5.325.000.000đ, trừ đi tiền lãi đã trả là 830.000.000đ, tính lãi suất theo mức 1,66%/tháng tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Ngày 27/11/2025, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

- Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa phúc thẩm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C trong thời hạn theo quy định, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, người kháng cáo là bà Nguyễn Thị C, bị đơn ông Nguyễn Văn H1, nguyên đơn bà Đinh Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về số tiền gốc

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là 03 giấy vay tiền, cụ thể là:

- Giấy vay tiền ngày 01/7/2023: Bên vay là bà Nguyễn Thị C, số tiền vay 50.000.000đ

- Giấy vay tiền ngày 13/9/2023: Bên vay là bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H1, số tiền vay 5.680.000.000 đồng.

- Giấy vay tiền ngày 13/9/2023 (lần 2): Bên vay là bà Nguyễn Thị C, số tiền vay 1.317.000.000 đồng.

Tổng cộng 3 khoản vay trên là 7.047.000.000đ.

Trong 3 giấy vay tiền đều có nội dung: *"kể từ thời điểm bên vay ký vào hợp đồng này, bên vay xác nhận đã nhận đủ số tiền do bên cho vay chuyển giao"*. Nguyên đơn xác định bên vay là ông H1, bà C đã ký vào giấy vay tiền, vợ chồng ông H1, bà C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng trong bản khai gửi Tòa án, bà C cũng không phản đối ý kiến của nguyên đơn về việc bên vay đã ký vào giấy vay tiền. Do vậy, bị đơn cho rằng chỉ vay của nguyên đơn số tiền 5.325.000.000đ là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm xác định bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 7.047.000.000đ là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn về số tiền gốc không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về số tiền lãi đã trả.

Bà C cho rằng bà đã trả cho bà H tổng cộng là 830.000.000đ. Bà H chỉ thừa nhận vợ chồng ông H1, bà C đã trả cho bà 250.000.000đ tiền lãi. Bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho bà H 830.000.000đ. Do vậy cấp sơ thẩm xác định bà C, ông H1 đã trả cho bà H 250.000.000đ là có căn cứ. Kháng cáo của bà C về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất.

Bà C đề nghị tính một mức lãi suất là 1,66%/tháng (20%/năm) cho toàn bộ các khoản vay tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả. Xét thấy:

- Trong các giấy vay tiền, các bên thỏa thuận lãi suất 25%/năm là vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự. Cấp sơ thẩm chấp nhận lãi suất trong hạn là 20%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

- Lãi suất quá hạn: Đối với khoản vay 50.000.000đ ngày 01/7/2023, các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên cấp sơ thẩm tính lãi suất trong hạn từ ngày vay đến ngày xét xử là có căn cứ. Đối với 02 khoản vay ngày 13/9/2023, trong giấy vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 10/5/2024, do vậy cấp sơ thẩm tính lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ ngày 11/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Do vậy, kháng cáo của bà C về nội này không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị C kháng cáo nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào mới để làm thay đổi bản chất

của vụ án, nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng) được giữ nguyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và được Tòa án chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị C được miễn án phí dân sự phúc thẩm

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng).

- Áp dụng: Điều 280, Điều 288, Điều 290, Điều Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Khoản 2, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H đối với bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản":*

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho bà Đinh Thị H với số tiền là 10.101.000.000 đồng *(Mười tỉ, một trăm lẻ một triệu đồng);* trong đó tiền nợ gốc là 7.047.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 3.054.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-6-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đinh Thị H số tiền 58.747.000 đồng, là tiền tạm ứng án phí sơ thẩm được nộp theo Biên lai thu tiền số 0004691

ngày 19/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02/12/2025).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 4, Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 4, Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản